

Số: /ĐA-UBND

Ngọc Lặc, ngày tháng 6 năm 2026

ĐỀ ÁN
Sắp xếp thôn thuộc xã Ngọc Lặc

Thôn là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong những năm qua, hoạt động của thôn trên địa bàn xã Ngọc Lặc đã phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tương trợ giúp đỡ phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; xây dựng đời sống văn hoá và phát triển cộng đồng.

Bên cạnh đó, thực trạng hiện nay nhiều thôn trên địa bàn xã chưa đảm bảo tiêu chí theo quy định; quy mô số hộ gia đình nhỏ, tình trạng ở xen cư, số lượng thôn lớn gây khó khăn và tạo áp lực quản lý lớn đối với chính quyền địa phương. Do đó, việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn có quy mô số hộ gia đình chưa đạt tiêu chuẩn quy định là cần thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh bền vững, mục tiêu tăng trưởng “02 con số” và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

1.2. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 27/6/2025.

1.3. Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

1.4. Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

1.5. Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố, bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

1.6. Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

1.7. Nghị định số 185/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

1.8. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

1.9. Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1.10. Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

1.11. Công văn số 3120/SNV-XDCQ&CTTN ngày 21/5/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc xây dựng Phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

1.12. Công văn số 3706/SNV-XDCQ&CTTN ngày 09/06/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ, đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

1.13. Kết luận số 230-KL/ĐU ngày 09/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng ủy về Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Ngọc Lặc.

2. Cơ sở thực tiễn và sự cần thiết

Xã Ngọc Lặc có diện tích tự nhiên 9.039 ha, dân số 38.415 người, 8.907 hộ; toàn xã hiện có 42 thôn. Trong những năm qua, hoạt động của thôn trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả tích cực, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội cấp trên được triển khai thực hiện kịp thời, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống của địa phương; phòng chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường; đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng dân cư.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, kết quả đã đạt được, công tác tổ chức, hoạt động của thôn cũng còn nhiều tồn tại, bất cập, quy mô thôn nhỏ làm phát sinh tổ chức, tạo đầu mối, tăng số lượng người hoạt động không chuyên trách, gây áp lực chi ngân sách địa phương, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Chi bộ, Chi hội, Đoàn thể, khó khăn trong việc huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư để xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Đến

thời điểm hiện nay vẫn còn nhiều thôn chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định; toàn xã vẫn còn 39/42 thôn có quy mô số hộ thấp hơn 350 hộ, chiếm 92,85%. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025, số lượng thôn của xã tăng lên; nhiều đầu mối, tạo áp lực đối với hoạt động chỉ đạo, quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

Từ thực tế nói trên, việc sắp xếp thôn thuộc xã Ngọc Lặc là phù hợp với thực tiễn địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã, tinh gọn bộ máy, giảm số lượng; đồng thời tạo sự gắn bó, củng cố sức mạnh, tăng cường đầu tư xây dựng công trình phúc lợi xã hội từ cộng đồng dân cư; thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

II. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Về số lượng thôn

- Tổng số thôn: 42 thôn.
- Số đã đạt tiêu chuẩn theo quy định: 3/42 thôn.
- Số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định: 39/42 thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Về tổ chức của thôn

a) Tổ chức Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội đoàn thể

Tổ chức Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội đoàn thể cơ bản được bố trí đủ ở các thôn; cùng với người hoạt động không chuyên trách là lực lượng nòng cốt trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, vận động Nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

b) Số lượng, chất lượng, cơ cấu người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động công việc ở thôn, tổ dân phố

Đến ngày 31/5/2026, toàn xã có 85 người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn; trong đó:

- Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn: 24 người; Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác Mặt trận: 17 người; Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn, kiêm Trưởng Ban công tác Mặt trận: 01 người.
- Trưởng thôn kiêm Thôn Đội trưởng: 17 người.
- Trưởng Ban Công tác Mặt trận kiêm Thôn Đội trưởng: 23 người.
- Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn không kiêm nhiệm các chức danh khác: 01 người.
- Thôn đội trưởng không kiêm nhiệm các chức danh khác: 02 người.
- Trưởng các đoàn thể ở thôn gồm: Bí thư Chi đoàn, Chi hội trưởng các Chi hội: Phụ nữ, Cựu Chiến binh, Nông dân: 210 người.

c) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự

42/42 thôn có Tổ bảo vệ an ninh trật tự (mỗi thôn có 01 tổ; gồm 01 tổ trưởng, 01 tổ phó và 01 tổ viên). Tính đến ngày 31/5/2026 toàn xã có 123 người.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

3. Về hoạt động của thôn, tổ dân phố

Trong những năm qua, hoạt động của thôn trên địa bàn xã đã thực hiện theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công việc do cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững danh hiệu thôn văn hóa, tổ dân phố văn hóa; phòng chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục lạc hậu; đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; phát triển sản xuất; xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi; xóa đói, giảm nghèo. Các thôn, tổ dân phố đã cơ bản hoàn thành việc cứng hóa (nhựa hoặc bê tông) các tuyến đường trục chính đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất của Nhân dân; 100% các thôn đã có điện lưới; 42/42 thôn có nhà văn hóa, trong đó có nhiều thôn đã xây dựng được nhà văn hóa - khu thể thao đạt chuẩn theo quy định phục vụ cho sinh hoạt cộng đồng dân cư.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN

1. Nguyên tắc, yêu cầu sắp xếp thôn

1.1. Việc sắp xếp thôn phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu quản lý khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời, xem xét đầy đủ các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư, nhất là địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn có yếu tố tôn giáo; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

1.2. Quá trình thực hiện phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở; giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng; điều hành của chính quyền các cấp; hướng dẫn, triển khai của mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện thống nhất với kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức chi bộ, ban công tác mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn.

1.3. Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định gắn với triển khai thực hiện sắp xếp thôn ở xã; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, bảo đảm quyền lợi,

ổn định tư tưởng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn trong tổ chức thực hiện.

1.4. Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn là người có uy tín, sức khỏe, tâm huyết, trách nhiệm, năng lực vận động Nhân dân, từng bước trẻ hóa, nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng quản trị cộng đồng, chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân.

1.5. Việc đặt tên thôn được thực hiện đồng thời trong quy trình sắp xếp thôn; việc đổi tên thôn thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn.

1.6. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao của Nhân dân; bảo đảm người dân được thông tin đầy đủ, tham gia góp ý, giám sát việc sắp xếp thôn theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tiêu chuẩn sắp xếp thôn

2.1. Thôn mới sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn theo quy định; cụ thể: Thôn có từ 350 hộ trở lên.

2.2. Thôn phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế để phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2.3. Một số thôn do địa hình chia cắt sau khi sắp xếp vẫn không đủ quy mô số hộ theo quy định thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 10, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.

3. Phương án tổng thể sắp xếp thôn

3.1. Tổng số thôn: 42 thôn, trong đó:

a) Tổng số thôn thực hiện sắp xếp: 42 thôn, gồm:

- Thôn chưa đạt tiêu chuẩn: 39 thôn.

- Thôn đạt tiêu chuẩn: 03 thôn.

b) Số thôn không thực hiện sắp xếp: không có.

3.2. Phương án và kết quả sắp xếp:

a) Phương án sắp xếp:

Thực hiện sắp xếp 42/42 thôn, thành 22 thôn; cụ thể:

(1) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Beo (gồm 128 hộ gia đình, 601 nhân khẩu, diện tích 409,7ha), **thôn Vải** (gồm 124 hộ gia đình, 587 nhân khẩu, diện tích 349,4 ha), **thôn Thi Mốc** (gồm 184 hộ, 833 nhân khẩu, diện tích 277,8ha) thành lập thôn mới có tên gọi là **Thôn Mỹ Tân**.

Sau khi sắp xếp, **thôn Mỹ Tân** có diện tích 1.036,9 ha, 436 hộ.

(2) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Hạ Mỹ (gồm 141 hộ gia đình, 687 nhân khẩu, diện tích 305,6ha), **thôn Mới** (gồm 126 hộ gia đình, 567 nhân khẩu, diện tích 260,5ha), **thôn Chả Thượng** (gồm 214 hộ, 1.009 nhân khẩu, diện tích 427,2 ha) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Bình Minh**.

Sau khi sắp xếp **thôn Bình Minh** có diện tích 993,3ha, 481 hộ.

(3) **Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Mống** (gồm 152 hộ gia đình, 694 nhân khẩu, diện tích 155,4ha), **thôn Mỏ** (gồm 208 hộ gia đình, 926 nhân khẩu, diện tích 306,5 ha) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Mống Mỏ**.

Sau sắp xếp **thôn Mống Mỏ** có diện tích 461,9ha, 360 hộ.

(4) **Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Cao Xuân** (gồm 183 hộ gia đình, 894 nhân khẩu, diện tích 537,2ha), **thôn Vân Hòa** (gồm 325 hộ gia đình, 1.468 nhân khẩu, diện tích 543,5 ha) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Vân Hòa**.

Sau sắp xếp **thôn Vân Hòa** có diện tích 1.080,7 ha, 508 hộ.

(5) **Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Hoa Cao** (gồm 156 hộ gia đình, 748 nhân khẩu, diện tích 377,8ha), **thôn Đông Sơn** (gồm 132 hộ gia đình, 609 nhân khẩu, diện tích 251,9ha) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Thượng Sơn**.

Sau sắp xếp **Thôn Thượng Sơn** có diện tích 629,7 ha 288 hộ.

(6) **Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Tam Đồng** (gồm 219 hộ gia đình, 988 nhân khẩu, diện tích 560,7ha, **thôn Trung Sơn** (gồm 187 hộ gia đình, 795 nhân khẩu diện tích 627,1 ha) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Trung Sơn**.

Sau sắp xếp **thôn Trung Sơn** có diện tích 1.187,8 ha, 406 hộ.

(7) **Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Giang Sơn** (gồm 418 hộ gia đình, 1.780 nhân khẩu, diện tích 158,3ha), **thôn Vân Sơn** (gồm 61 hộ gia đình, 253 nhân khẩu, diện tích 143,9 ha) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Giang Sơn**.

Sau sắp xếp **thôn Giang Sơn** có diện tích 302,2 ha, 479 hộ.

(8) **Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Thanh Bình** (gồm 204 hộ gia đình, 944 nhân khẩu, diện tích 446,5ha; trong đó, đã trừ 88 hộ, 344 nhân khẩu cụm dân Làng Bứa, diện tích 53ha để sáp nhập với thôn Lương Sơn), **thôn Phú Sơn** (gồm 146 hộ gia đình, 641 nhân khẩu, diện tích 194,8ha) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Thanh Bình**.

Sau sắp xếp **Thôn Thanh Bình** có diện tích 641,3 ha, 350 hộ.

(9) **Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Lương Sơn** (gồm 141 hộ gia đình, 590 nhân khẩu, diện tích 171,6ha), **thôn Hồng Sơn** (gồm 86 hộ gia đình, 378 nhân khẩu, diện tích 72,7ha) và **cụm dân cư Làng Bứa, thôn Thanh Bình** (gồm 88 hộ, 344 nhân khẩu, diện tích 1,8ha) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Lương Sơn**.

Sau sắp xếp thôn **Lương Sơn** có diện tích 246,1 ha, 315 hộ.

(10) **Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Lê Đình Chinh** (gồm 215 hộ gia đình, 798 nhân khẩu, diện tích 29,3ha), **thôn Hạ Sơn** (gồm 238 hộ gia đình, 1.104 nhân khẩu, diện tích 334,9ha) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Hạ Sơn**.

Sau sắp xếp thôn **Hạ Sơn** có diện tích 364,2 ha, 453 hộ.

(11) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Nguyễn Du (gồm 201 hộ gia đình, 743 nhân khẩu, diện tích 11,6ha), **thôn Nguyễn Trãi** (gồm 200 hộ gia đình, 860 nhân khẩu, diện tích 23,9ha) và **các hộ thôn Hưng Sơn ở xen cư** (06 hộ, 20 nhân khẩu) thành thôn mới có tên gọi là **thôn Nguyễn Trãi**.

Sau sắp xếp thôn **Nguyễn Trãi** có diện tích 35,5 ha, 407 hộ.

(12) Sắp xếp toàn bộ diện tích của thôn Lê Lợi (gồm 235 hộ gia đình, 910 nhân khẩu, diện tích 11,8ha), **một phần thôn Lê Thánh Tông** (ranh giới bắt đầu từ vị trí Cầu Tàng đi xuống phía Chợ Phố Cống; gồm 176 hộ với 690 nhân khẩu, diện tích 5,7 ha), **các hộ thôn Hưng Sơn ở xen cư** (13 hộ, 52 nhân khẩu) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Lê Lợi**.

Sau sắp xếp thôn **Lê Lợi** có diện tích 14,5 ha, 424 hộ.

(13) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Lê Lai (gồm 297 hộ gia đình, 1.146 nhân khẩu, diện tích 14,7ha), **một phần diện tích và số hộ của thôn Lê Thánh Tông** (ranh giới từ vị trí Cầu Tàng đi về phía ngã tư giao nhau giữa đường 15 và đường Hồ Chí Minh; gồm 47 hộ, 178 nhân khẩu, diện tích 5,6 ha), **các hộ thôn Hưng Sơn ở xen cư** (05 hộ với 39 nhân khẩu), **các hộ thôn Cao Thượng ở xen cư** (10 hộ, 56 khẩu, diện tích 3,7ha cụm dân cư phía sau VNPT Ngọc Lặc) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Lê Lai**.

Sau sắp xếp **thôn Lê Lai** có diện tích 24,0ha, 359 hộ.

(14) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Lê Hoàn (gồm 205 hộ gia đình, 858 nhân khẩu, diện tích 13,2ha), **thôn Lê Duẩn** (gồm 188 hộ gia đình, 709 nhân khẩu, diện tích 29,9ha), **cụm dân cư của thôn Tran** (ranh giới từ tuyến đường số 1 thuộc Tiểu dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng chống biến đổi khí hậu đô thị Ngọc Lặc đi về phía trường THCS Ngọc Khê, gồm: 49 hộ, 186 khẩu, 12,5ha), **các hộ thôn Cao Nguyên ở xen cư** (08 hộ 29 nhân khẩu, diện tích 6,2ha), và **các hộ thôn Trần Phú, thôn Cao Thượng ở xen cư** (cụm dân cư khu vực Công ty TNHH một thành viên Sông Chu - Chi nhánh thủy lợi Ngọc Lặc; gồm 06 hộ, 23 khẩu của thôn Trần Phú, 10 hộ, 40 khẩu của thôn Cao Thượng) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Lê Hoàn**.

Sau sắp xếp thôn **Lê Hoàn** có diện tích 61,8 ha, 466 hộ.

(15) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Tân Thành (gồm 107 hộ gia đình, 478 nhân khẩu, diện tích 196,5ha), **thôn Tran** (gồm 264 hộ gia đình, 1.228 nhân khẩu, diện tích 144,8ha; trong đó, đã giảm trừ 49 hộ, 186 nhân khẩu về thôn Lê Hoàn) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Tân Thành**.

Sau sắp xếp **thôn Tân Thành** có diện tích 341,3ha, 371 hộ.

(16) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Quang Hưng (gồm 177 hộ gia đình, 650 nhân khẩu, diện tích 179,7ha), **thôn 1 Quang Trung** (gồm 251 hộ gia đình, 1.022 nhân khẩu, diện tích 25,7 ha) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Quang Hưng**.

Sau sắp xếp **thôn Quang Hưng** có diện tích 205,4ha, 428 hộ.

(17) Sắp xếp toàn bộ diện, quy mô số hộ của thôn Trần Phú (gồm 108 hộ gia đình, 396 nhân khẩu, diện tích 20,9ha; trong đó, đã giảm trừ 06 hộ, 23 nhân khẩu thuộc cụm dân cư Công ty TNHH một thành viên Sông Chu - Chi nhánh thủy lợi Ngọc Lặc vào thôn Lê Hoàn), **thôn Ngọc Minh** (gồm 250 hộ gia đình, 1.022 nhân khẩu, diện tích 145,3 ha; trong đó, đã giảm trừ 10 hộ, 37 nhân khẩu xen cư với thôn Ngọc Sơn và 03 hộ, 13 nhân khẩu xen cư với thôn Xuân Sơn (thuộc thôn 1 Ngọc Khê cũ)) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Ngọc Minh**.

Sau khi sắp xếp **thôn Ngọc Minh** có diện tích 166,2 ha, 358 hộ.

(18) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Cao Phong (gồm 169 hộ gia đình, 782 nhân khẩu, diện tích 280,2ha), **thôn Cao Thượng** (gồm 235 hộ gia đình, 1.128 nhân khẩu, diện tích 151,7ha; trong đó, đã giảm trừ 10 hộ, 56 nhân khẩu xen cư cụm dân cư sau VNPT Ngọc Lặc sắp xếp về thôn Lê Lai và 10 hộ, 40 khẩu cụm dân cư khu vực Công ty TNHH một thành viên Sông Chu - Chi nhánh thủy lợi Ngọc Lặc sắp xếp về thôn Lê Hoàn) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Cao Thượng**.

Sau sắp xếp **thôn Cao Thượng** có diện tích 431,9ha, **404** hộ.

(19) Sắp xếp một phần diện tích, quy mô số hộ của thôn Ngọc Sơn (gồm 209 hộ gia đình, 918 nhân khẩu, diện tích 50,2ha; trong đó, đã giảm trừ 110 hộ, 458 nhân khẩu, diện tích 42,5ha để sắp xếp vào thôn Xuân Sơn; ranh giới từ ngã 3 Tân Á đi về phía đường Trục trung tâm đô thị), **1 phần thôn 1 Ngọc Khê** (gồm 110 hộ, 439 nhân khẩu, diện tích 22,0 ha; ranh giới từ ngã 3 Tân Á đi về phía đường Trục trung tâm đô thị), với **1 phần thôn Xuân Sơn** (gồm 80 hộ, 367 nhân khẩu, diện tích 8,3ha; ranh giới từ ngã 3 Tân Á đi về phía đường Trục trung tâm đô thị), **các hộ thôn Ngọc Minh ở xen cư** (10 hộ, 37 nhân khẩu ranh giới từ đường Hồ Chí Minh đi về phía thôn 1 Ngọc Khê hiện nay) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Ngọc Sơn**.

Sau sắp xếp **thôn Ngọc Sơn** có diện tích 80,5ha, 409 hộ.

(20) Sắp xếp một phần diện tích, quy mô số hộ của thôn Xuân Sơn (gồm 251 hộ, 1.012 nhân khẩu, diện tích 10,8ha; trong đó đã giảm trừ 80 hộ, 367 nhân khẩu, diện tích 6,9ha để sắp xếp vào thôn Ngọc Sơn; ranh giới từ đường Trục trung tâm đô thị đi về phía ngã 3 dốc Khê), **1 phần thôn 1 Ngọc Khê** (gồm 90 hộ, 410 nhân khẩu, diện tích 22,1 ha; ranh giới từ đường Trục trung tâm đô thị đi về phía ngã 3 dốc Khê), **1 phần thôn Ngọc Sơn** (gồm 110 hộ, 458 nhân khẩu, diện tích 41,4 ha; ranh giới từ đường Trục trung tâm đô thị đi về phía ngã 3 dốc Khê), **các hộ thôn Ngọc Minh ở xen cư** (03 hộ, 13 nhân khẩu; ranh giới từ đường Hồ Chí Minh đi về phía thôn 1 Ngọc Khê hiện nay) thành thôn mới có tên gọi là **Thôn Xuân Sơn**

Sau sắp xếp **thôn Xuân Sơn** có diện tích 74,3 ha, 454 hộ.

(21) Sắp xếp, tổ chức lại thôn Cao Nguyên

Giảm 08 hộ, 29 nhân khẩu xen cư với thôn Lê Hoàn; tăng thêm 07 hộ, 23 nhân khẩu của thôn Hưng Sơn ở xen cư tại thôn Cao Nguyên, giữ nguyên tên gọi là **thôn Cao Nguyên**.

Sau sắp xếp **thôn Cao Nguyên** có diện tích 586,0ha, 351 hộ.

(22) Sắp xếp, tổ chức lại thôn Hưng Sơn

Giảm 13 hộ, 52 nhân khẩu xen cư thôn Lê Thánh Tông (cũ); giảm 06 hộ, 20 nhân khẩu xen cư với thôn Nguyễn Trãi; giảm 05 hộ, 39 nhân khẩu xen cư với thôn Lê Lai; giảm 07 hộ, 23 nhân khẩu xen cư với thôn Cao Nguyên, giữ nguyên tên thôn là **thôn Hưng Sơn**.

Sau sắp xếp **thôn Hưng Sơn** có diện tích 73,5ha, **400** hộ.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

b) Kết quả sau khi sắp xếp

Sau khi sắp xếp xã Ngọc Lặc có 22 thôn; trong đó:

(1) Về quy mô số hộ: Số thôn mới đạt tiêu chuẩn 20 thôn; Số thôn mới chưa đạt tiêu chuẩn 02 thôn.

(2) Về diện tích tự nhiên: Về cơ bản các thôn sau sắp xếp có diện tích tự nhiên phù hợp với quy mô về số hộ; có 03 thôn có diện tích lớn, tuy nhiên diện tích này chủ yếu đất rừng, đồi núi, sông suối... giao thông kết nối thuận lợi, bảo đảm khả năng thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở các thôn mới.

(3) Về tên gọi: 18 thôn sử dụng tên gọi của một trong các thôn trước khi sắp xếp; 04 thôn sử dụng tên gọi truyền thống trước đây hoặc tên gọi mới.

4. Giải trình đối với các thôn mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn; thôn có quy mô diện tích tự nhiên lớn

4.1. Các thôn mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn

(1) **Thôn Thượng Sơn:** Được sắp xếp từ thôn Hoa Cao và thôn Đông Sơn, địa hình chia cắt, biệt lập với các thôn liền kề nên quy mô số hộ vẫn chưa đạt tiêu chuẩn là phù hợp với thực tế và bảo đảm theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

(2) **Thôn Lương Sơn:** Được sắp xếp từ thôn thôn Lương Sơn và thôn Hồng Sơn, địa hình chia cắt, biệt lập với các thôn liền kề nên quy mô số hộ vẫn chưa đạt tiêu chuẩn là phù hợp với thực tế và bảo đảm theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

4.2. Các thôn sau sắp xếp có quy mô diện tích tự nhiên lớn (trên 1.000ha):

(1) **Thôn Mỹ Tân:** Sau sắp xếp diện tích 1.036,9 ha; tuy nhiên diện tích đất thực tế dân cư sinh sống chiếm khoảng 14,3%, còn lại là đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng, đất sông suối...; các thôn có đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống tương đồng nhau, giao thông kết nối thuận lợi. Người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở các thôn mới có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao.

(2) **Thôn Vân Hòa:** Sau sắp xếp diện tích tự nhiên 1.080,7ha; tuy nhiên diện tích thực tế người dân đang sinh sống chiếm khoảng 6,8%; còn lại là đất sản xuất

nông nghiệp, đất rừng, đất sông suối...; các thôn có đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống tương đồng nhau, giao thông kết nối thuận lợi. Người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở các thôn mới có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao.

(3) **Thôn Trung Sơn:** Sau sắp xếp diện tích 1.187,8 ha; trong đó: Diện tích đất thực tế người dân đang sinh sống khoảng 6,8%, còn lại là đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng, đất sông suối...; các thôn có đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống tương đồng nhau, giao thông kết nối thuận lợi. Người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở các thôn mới có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao.

(Chi tiết tại Phụ lục 04, 05 kèm theo).

5. Đánh giá tác động của việc sắp xếp thôn, tổ dân phố

5.1. Ưu điểm: Sắp xếp thôn trên địa bàn xã để thành lập các thôn có quy mô lớn, tạo ra nguồn lực mạnh từ cộng đồng dân cư; nâng cao hiệu quả hoạt động của thôn, hoạt động của chi bộ và tổ chức chính trị - xã hội; việc giảm 47,6% số thôn, sẽ làm giảm một số lượng lớn những người hoạt động không chuyên trách, sẽ giảm khoảng 18 người hoạt động không chuyên trách; mỗi năm dự kiến sẽ giảm hàng trăm triệu đồng từ ngân sách chi cho thôn; là cơ sở để từng bước nâng mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn trong thời gian tới; góp phần tinh gọn đầu mối, tinh giản số lượng, cơ cấu lại đội ngũ, giảm tải áp lực, góp phần bảo đảm yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyên đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân tại địa bàn cơ sở.

5.2. Hạn chế: Sắp xếp sẽ làm tăng quy mô số hộ của thôn; một số thôn có thể dôi dư nhà văn hóa - khu thể thao trong trường hợp các thôn trước khi sáp nhập đều đã xây dựng xong hoặc nếu phải sử dụng lại để phục vụ sinh hoạt cộng đồng dân cư thì có thể dẫn đến quá tải; nhiệm vụ của bí thư chi bộ, trưởng thôn và người hoạt động không chuyên trách khác cũng nặng nề hơn; việc thôi đảm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách do sáp nhập nhiều ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng cá nhân.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác thông tin tuyên truyền

Cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và tổ chức chính trị - xã hội; các thôn trên địa bàn có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền đầy đủ về ý nghĩa, mục đích của việc sắp xếp thôn; xem đây là nội dung quan trọng góp phần tinh gọn bộ máy theo chỉ đạo, định hướng, quy định của Trung ương và của tỉnh; giúp giảm chi ngân sách nhà nước, làm cơ sở để nâng mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách; nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cấp xã và hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn trên địa bàn; từ đó tạo sự đồng thuận, thống nhất trong chỉ đạo, thực hiện của cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp Nhân dân.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên, liên tục.

2. Về xây dựng đề án và thực hiện trình tự, hồ sơ, đề án

2.1. Xây dựng đề án: Căn cứ Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt; UBND xã xây dựng đề án sắp xếp thôn thuộc xã Ngọc Lặc; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 10/6/2026.

2.2. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân: UBND xã xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với nội dung sắp xếp thôn đồng thời cả hai hình thức lấy ý kiến Nhân dân: (1) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; (2) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân; tổng hợp, hoàn chỉnh đề án theo quy định.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 20/6/2026.

2.3. UBND xã hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình HĐND xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 25/6/2026.

3. Về định hướng chức danh, số lượng, tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn sau sắp xếp

3.1. Về chức danh, số lượng:

a) Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm: Trưởng thôn, Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban Công tác Mặt trận. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố không quá 03 người theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.

b) Chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Kiện toàn, sắp xếp lại theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và trên cơ sở phù hợp với diện tích, dân số, tình hình phức tạp về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư (do HĐND tỉnh quyết định).

c) Các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm:

- Phó Trưởng thôn, tổ dân phố.
- Thôn, Tổ đội trưởng.
- Bí thư Chi đoàn Thanh niên.
- Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ.
- Chi hội trưởng Chi hội Nông dân.
- Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh.

d) Đối với các chức danh khác như: Người cao tuổi, Khuyến học...: Thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên.

3.2. Về tiêu chuẩn:

a) Đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban công tác mặt trận; Thôn, Tổ đội trưởng; Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng các Chi hội:

Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh: Thực hiện theo Điều lệ Đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên có thẩm quyền.

b) Đối với chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

c) Đối với chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

d) Đối với chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng Tổ dân phố: Thực hiện theo tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố.

đ) Đối với các chức danh khác như: Người cao tuổi, Khuyến học...: Thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên.

3.3. Về chế độ, chính sách:

a) Đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách: Thực hiện bằng mức ngân sách nhà nước khoán quỹ phụ cấp để chi phụ cấp hằng tháng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP; chế độ, chính sách khác thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 16 Nghị định này.

b) Đối với chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và theo quy định được HĐND tỉnh phê duyệt trên cơ sở ngân sách tỉnh bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

c) Đối với các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố: Ngân sách tỉnh bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3.4. Về định hướng bố trí, chỉ định, bầu cử, tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn:

a) Đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban công tác mặt trận; Thôn, Tổ đội trưởng; Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng các Chi hội: Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh: Thực hiện theo Điều lệ Đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên có thẩm quyền.

b) Đối với chức danh Trưởng thôn: Trên cơ sở chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy, UBND xã chỉ định Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của thôn mới cho đến khi bầu được Trưởng thôn. Thời gian chỉ định Trưởng thôn lâm thời không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định.

c) Đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên: Kiện toàn, sắp xếp lại lực lượng này theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và trên cơ sở phù hợp với diện tích, dân số, tình hình phức tạp về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư.

d) Đối với Phó Trưởng thôn: Thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố do UBND tỉnh ban hành.

3.5. Về nhiệm kỳ của Trưởng thôn: Thực hiện thống nhất theo Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá (Ban hành kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 09/6/2026); cụ thể: Bắt đầu từ ngày 01/7/2026 và kết thúc vào ngày 01/9/2030, gắn với nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Chi bộ đảng ở thôn.

4. Về chính sách hỗ trợ nghỉ việc do sáp nhập thôn

4.1. Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế.

4.2. Chủ tịch UBND xã căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh để phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Về bố trí nhà văn hóa, sử dụng tài sản công của thôn, tổ dân phố

UBND xã rà soát toàn bộ hiện trạng nhà văn hóa, khu thể thao, thiết chế văn hóa, tài sản công của các thôn trước khi sắp xếp để xây dựng phương án quản lý, sử dụng sau sắp xếp theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí; phát huy hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

Đối với các thôn trước khi sáp nhập đã có nhà văn hóa - khu thể thao mà vẫn đáp ứng được sinh hoạt của cộng đồng dân cư thì tiếp tục sử dụng. Trường hợp chưa có hoặc sau khi sắp xếp không thể sử dụng được nữa cần cải tạo hoặc xây dựng mới thì dự kiến cụ thể vị trí, diện tích và có lộ trình xây dựng mới hoặc cải tạo lại, bảo đảm phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Đối với các cơ sở dôi dư hoặc không còn phù hợp, UBND xã tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét phương án điều chuyển, sử dụng vào mục đích công cộng khác hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

(Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo).

6. Về chuyển đổi một số loại giấy tờ cơ bản của công dân và tổ chức

UBND xã chỉ đạo, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch, thông báo, hướng dẫn người dân chuyển đổi theo quy định; tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân, tổ chức phục vụ tại cấp xã.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kiến nghị và đề xuất

1. Đề nghị Ban Thường vụ Đảng uỷ

Lãnh đạo, chỉ đạo Cấp uỷ chi bộ các thôn quán triệt nghiêm túc Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 22/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ; xác định việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách là nhiệm vụ chính trị quan trọng phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo đúng chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ và các văn bản quy phạm

pháp luật hiện hành; trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo Trưởng thôn, Ban công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể tổ chức thực hiện.

2. Đề nghị Ban Xây dựng Đảng

Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị về công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân để tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, hành động trong toàn Đảng, hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân về triển khai thực hiện sắp xếp thôn trên địa bàn xã; chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan chức năng xây dựng nội dung, chương trình, hình thức tuyên truyền phù hợp, trọng tâm về công tác sắp xếp thôn và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách gắn với xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

Trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn Ban công tác Mặt trận và các chi hội đoàn thể ở các thôn; bố trí người hoạt động không chuyên trách (Trưởng ban công tác mặt trận) và Trưởng các chi hội đoàn thể đồng bộ với việc sắp xếp, tổ chức lại thôn.

Chỉ đạo tập trung tuyên truyền, thống nhất nhận thức, trách nhiệm của các tầng lớp Nhân dân, phát huy truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư, thực hiện dân chủ ở cơ sở để tổ chức thực hiện hiệu quả việc sắp xếp thôn; giám sát quá trình sắp xếp thôn và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách bảo đảm công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi chính đáng của Nhân dân và cán bộ cơ sở.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan khẩn trương tham mưu xây dựng Đề án sắp xếp thôn; tham mưu báo cáo và tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, hoàn chỉnh Đề án trình ký ban hành: Đã hoàn thành.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của nhân dân và trình HĐND xã thông qua Đề án sắp xếp thôn thuộc xã Ngọc Lặc (bao gồm mẫu hoá biên bản, phiếu xin ý kiến...): Hoàn thành trong ngày 10/6/2026.

- Phối hợp Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xây dựng nội dung, chương trình, hình thức tuyên truyền phù hợp, trọng tâm về công tác sắp xếp thôn, bố trí sử dụng người hoạt động không chuyên trách gắn với xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc; đồng thời, phối hợp với Công an xã tham mưu xử lý nghiêm các hành vi phát tán tin giả, thông tin không đúng sự thật gây hoang mang dư luận, ảnh hưởng tiêu cực đến việc triển khai thực hiện chủ trương sắp xếp thôn, tổ dân phố.

- Trên cơ sở hướng dẫn, quy định của cấp trên; phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu sắp xếp, bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách gắn với thực hiện chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

- Tham mưu theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn xã; chủ động nắm tình hình, kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; báo cáo UBND xã, Chủ tịch UBND xã xem xét, chỉ đạo các nội dung vượt thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Đề án, bao gồm kinh phí tuyên truyền, tổ chức hội nghị, in ấn tài liệu, hoạt động kiểm tra, giám sát và các nhiệm vụ liên quan.

- Định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, UBND xã, Chủ tịch UBND xã; xây dựng Báo cáo tổng thể kết quả thực hiện sắp xếp thôn và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2.2. Phòng Kinh tế

- Thẩm định dự toán và tham mưu bố trí kinh phí thực hiện; đồng thời, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và thôn thực hiện thanh, quyết toán kinh phí bảo đảm đúng quy định hiện hành, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tham mưu rà soát, báo cáo chi tiết về quy mô, diện tích, ranh giới và sơ đồ các thôn sau khi thực hiện sắp xếp, bảo đảm thống nhất số liệu, chính xác và đồng bộ với hồ sơ địa giới hành chính.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các thôn tổ chức thực hiện việc kiểm kê, thống kê, phân loại và bàn giao tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, đồng thời phối hợp rà soát, quyết toán các khoản thu, chi và các khoản đóng góp của Nhân dân theo đúng quy định của pháp luật; tổng hợp, báo cáo UBND xã kết quả thực hiện.

- Phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ công tác sắp xếp thôn; đồng thời tham mưu triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn và cấp xã theo đúng quy định hiện hành, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

2.3. Công an xã

- Chủ động nắm tình hình địa bàn; rà soát, cung cấp số liệu hộ gia đình cư trú trên địa bàn; kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền xử lý các vấn đề phát sinh về an ninh, trật tự trong quá trình sắp xếp thôn; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tuyệt đối không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở.

- Tham mưu rà soát, kiện toàn, bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; đội dân phòng phù hợp với việc sắp xếp thôn, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2.4. Ban Chỉ huy Quân sự xã

- Phối hợp với Công an xã chủ động nắm chắc tình hình trên địa bàn; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tuyệt đối không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở. Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của cấp trên, tham mưu rà soát, kiện toàn, bố trí lực lượng tham gia công tác thôn đội trưởng phù hợp với việc sắp xếp thôn, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2.5. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công

- Chủ trì, phối hợp các thôn trên địa bàn tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa đặc biệt quan trọng của chủ trương sắp xếp thôn, tổ dân phố; về nguyên tắc, yêu cầu sắp xếp thôn, tổ dân phố, thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Tham mưu đăng tải Đề án sắp xếp thôn trên cổng thông tin điện tử,...; đưa tin kịp thời những cách làm hay, mô hình hiệu quả, các thôn triển khai thực hiện tốt; đồng thời, phối hợp phòng Văn hoá - Xã hội đấu tranh, phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc chủ trương sắp xếp thôn, tổ dân phố.

2.6. Các phòng chuyên môn, các cơ quan đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với phòng Văn hoá - Xã hội hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; báo cáo UBND xã, Chủ tịch UBND xã xem xét, chỉ đạo các nội dung vượt thẩm quyền.

2.7. Trưởng các thôn trên địa bàn xã

Chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận tổ chức thông tin, tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa và Đề án sắp xếp thôn; thực hiện nhiệm vụ lấy ý kiến của nhân dân theo kế hoạch của UBND xã đảm bảo đúng thời gian, yêu cầu; định kỳ báo cáo UBND xã (qua phòng Văn hoá - Xã hội) để kịp thời tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ xã, UBND xã theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Qua Sở Nội vụ - để b/c);
- Ban Thường vụ Đảng uỷ xã (để b/c);
- HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT, các Ủy viên UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc;
- Các thôn;
- Trang thông tin điện tử (để đăng tải);
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Công Tâm

Phụ lục 1: Thống kê thực trạng thôn của xã Ngọc Lặc

TT	Tên thôn	Số thôn	Số hộ	Số khẩu	Diện tích (ha)	Số đảng viên Chi bộ	Số thành viên Ban công tác Mặt trận	Số đoàn viên Chi đoàn Thanh niên	Số hội viên Chi hội Cựu chiến binh	Số hội viên Chi hội Nông dân	Số hội viên Chi hội Phụ nữ	Nhà văn hóa thôn		Khu thể thao thôn	
												Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định	Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định
	Tổng cộng	42	8.907	38.415	9.039,0	1.276	416	345	1.603	3.825	4.236				
1	Thôn Beo	1	128	601	409,7	18	11	9	22	90	80	x		x	
2	Thôn Vải	1	124	587	349,4	18	11	15	27	105	98	x		x	
3	Thôn Thi Mốc	1	184	833	277,8	21	9	13	41	127	127	x		x	
4	Thôn Hạ Mý	1	141	687	305,6	21	9	11	38	111	100	x		x	
5	Thôn Mới	1	126	567	260,5	11	9	12	23	86	77	x		x	
6	Thôn Chả Thượng	1	214	1.009	427,2	17	9	13	31	207	117	x		x	
7	Thôn Mông	1	152	694	155,4	21	9	14	51	146	120	x		x	
8	Thôn Mỏ	1	208	926	306,5	22	9	12	43	152	137	x		x	
9	Thôn Hoa Cao	1	156	740	377,8	12	11	13	13	118	78	x		x	
10	Thôn Đông Sơn	1	132	601	251,9	10	9	10	14	113	80	x		x	
11	Thôn Tam Đồng	1	219	988	560,7	19	9	9	16	160	150	x		x	
12	Thôn Trung Sơn	1	187	795	627,1	15	11	9	26	143	100	x		x	
13	Thôn Giang Sơn	1	418	1.780	158,3	62	9	12	81	170	82	x		x	
14	Thôn Vân Sơn	1	61	253	143,9	16	9	8	10	19	80	x		x	
15	Thôn Phú Sơn	1	146	641	194,8	9	10	11	15	111	51	x		x	
16	Thôn Thanh Bình	1	292	1.288	448,3	26	10	12	41	184	89	x		x	
17	Thôn Hồng Sơn	1	86	378	72,7	11	10	8	17	84	55	x		x	
18	Thôn Lương Sơn	1	141	590	171,6	13	11	8	18	67	98	x		x	
19	Thôn Ngọc Sơn	1	319	1.376	91,6	22	9	9	40	138	67	x			
20	Thôn Xuân Sơn	1	331	1.379	19,1	71	11	4	84	32	98	x			
21	Thôn 1 Ngọc Khê	1	200	849	44,1	24	9	5	41	35	77	x			
22	Thôn Lê Đình Chinh	1	215	790	29,3	48	9	6	34	59	127	x			
23	Thôn Nguyễn Trãi	1	200	860	23,9	70	11	3	50	49	120	x			
24	Thôn Nguyễn Du	1	201	743	11,6	31	11	3	32	47	87	x		x	
25	Thôn Lê Lợi	1	235	910	11,8	54	11	3	37	22	80	x			
26	Thôn Lê Thánh Tông	1	223	868	8,3	41	9	4	29	20	85	x		x	
27	Thôn Lê Lai	1	297	1146	14,7	45	11	4	37	36	84	x			
28	Thôn Lê Duẩn	1	188	709	29,9	64	9	4	23	30	92	x		x	
29	Thôn Lê Hoàn	1	205	858	13,2	84	11	5	48	22	87	x		x	
30	Thôn Quang Hưng	1	177	650	179,7	9	9	4	34	45	79	x			
31	Thôn 1 Quang Trung	1	251	1.022	25,7	42	8	4	61	40	86	x		x	
32	Thôn Cao Phong	1	169	782	280,2	15	9	9	42	72	226	x			

TT	Tên thôn	Số thôn	Số hộ	Số khẩu	Diện tích (ha)	Số đảng viên Chi bộ	Số thành viên Ban công tác Mặt trận	Số đoàn viên Chi đoàn Thanh niên	Số hội viên Chi hội Cựu chiến binh	Số hội viên Chi hội Nông dân	Số hội viên Chi hội Phụ nữ	Nhà văn hóa thôn		Khu thể thao thôn	
												Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định	Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định
33	Thôn Cao Thượng	1	255	1.184	155,4	43	11	9	71	95	98	x		x	
34	Thôn Ngọc Minh	1	263	1.072	145,3	18	11	7	41	97	87	x		x	
35	Thôn Trần Phú	1	114	419	20,9	29	10	3	25	14	121		x	x	
36	Thôn Tân Thành	1	107	478	196,5	14	10	5	26	60	70	x		x	
37	Thôn Trần	1	313	1.414	157,3	52	10	9	84	84	81	x		x	
38	Thôn Hạ Sơn	1	238	1.096	334,9	36	11	9	24	125	85	x		x	
39	Thôn Hưng Sơn	1	431	1.862	73,5	41	11	9	71	80	272	x			
40	Thôn Cao Nguyên	1	352	1.628	592,2	37	10	9	65	141	99	x			
41	Thôn Vân Hòa	1	325	1.468	543,5	34	11	12	77	165	89	x		x	
42	Thôn Cao Xuân	1	183	894	537,2	10	9	7		124	120	x		x	

**Phụ lục 2: Thống kê số lượng người hoạt động không chuyên trách
và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn của xã Ngọc Lặc**

TT	Chức danh	Số lượng	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Trình độ									Độ tuổi			
					Văn hóa			Chuyên môn			Lý luận chính trị			Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến 50 tuổi	Từ 50 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi
					Tiểu học	THCS	THPT	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc cao đẳng	Đại học hoặc sau đại học	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc sơ cấp	Cao cấp hoặc cử nhân				
	Tổng cộng	208	125	134	22	73	113	167	28	12	175	32	0	35	79	52	42
a	Người hoạt động không chuyên trách																
1	Bí thư Chi bộ	42	42	26	2	9	31	26	10	6	21	20	0	1	11	14	16
2	Trưởng thôn	17	16	12		2	15	14	2	1	12	5	0	3	13	1	0
3	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	24	23	18		0	24	13	7	3	20	4	0	9	13	1	1
b	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn																
1	Thôn đội trưởng	2	1	1	0	0	2	1	1	0	2	0	0	1	1	0	0
c	Tổ bảo vệ an ninh trật tự	123	43	77	20	62	41	113	8	2	120	3	0	21	41	36	25

Ghi chú: Trường hợp 1 người kiêm nhiệm thêm 1 chức danh khác thì chỉ thống kê ở 1 chức danh có mức phụ cấp cao nhất

Phụ lục 3: Tổng hợp phương án sắp xếp thôn của xã Ngọc Lặc

TT	Sắp xếp, tổ chức lại các thôn có tên, số hộ và diện tích dưới đây																		Để thành lập thôn mới			Thôn mới sử dụng, sửa chữa lại nhà văn hóa hiện nay hoặc phải xây dựng mới		
	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên gọi mới	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Sử dụng lại hoặc sửa chữa, mở rộng	Diện tích (m2)	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1	Thôn Beo	128	409,7	Thôn Vải	124	349,4	Thị Mốc	184	277,8										Thôn Mỹ Tân	436	1036,9	x		
2	Hạ Mỹ	141	305,6	Thôn Mới	126	260,5	Chả Thượng	214	427,2										Thôn Bình Minh	481	993,3	x		
3	Mống	152	155,4	Mỏ	208	306,5													Thôn Mống Mỏ	360	461,9	x		
4	Cao Xuân	183	537,2	Vân Hòa	325	543,5													Thôn Vân Hòa	508	1080,7	x		
5	Hoa Cao	156	377,8	Đông Sơn	132	251,9													Thôn Thượng Sơn	288	629,7	x		
6	Tam Đồng	219	560,7	Trung Sơn	187	627,1													Thôn Trung Sơn	406	1187,8	x		
7	Giang Sơn	418	158,3	Vân Sơn	61	143,9													Thôn Giang Sơn	479	302,2	x		
8	Thôn Thanh Bình (1 phần)	204	446,5	Phú Sơn	146	194,8													Thôn Thanh Bình	350	641,3	x		
9	Thôn Lương Sơn	141	171,6	Hồng Sơn	86	72,7	Thôn Thanh Bình (làng Bứa)	88	1,8										Thôn Lương Sơn	315	246,1	x		
10	Lê Đình Chính	215	29,3	Hạ Sơn	238	334,9													Thôn Hạ Sơn	453	364,2	x		
11	Nguyễn Du	201	11,6	Nguyễn Trãi	200	23,9	Hung Sơn(hộ xen cư)	6											Thôn Nguyễn Trãi	407	35,5	x		
12	Lê Lợi	235	11,8	Lê Thánh Tông(1 phần)	176	2,7	Hung Sơn (hộ xen cư)	13											Thôn Lê Lợi	424	14,5	x		
13	Lê Lai	297	14,7	Lê Thánh Tông(1 phần)	47	5,6	Hung Sơn (hộ xen cư)	5		Cao Thượng (hộ xen cư)	10	3,7							Thôn Lê Lai	359	24	x		
14	Lê Duẩn	188	29,9	Lê Hoàn	205	13,2	Tran (hộ xen cư)	49	12,5	Trần Phú (xen cư)	6		Cao Nguyễn(xen cư)	8	6,2	Cao Thượng (xen cư)	10		Thôn Lê Hoàn	466	61,8	x		
15	Tân Thành	107	196,5	Tran(1 phần)	264	144,8													Thôn Tân Thành	371	341,3	x		

16	Quang Hưng	177	179,7	Thôn 1 Quang Trung	251	25,7												Thôn Quang Hưng	428	205,4	x			
17	Trần Phú (1 phần)	108	20,9	Ngọc Minh	250	145,3												Thôn Ngọc Minh	358	166,2	x			
18	Cao Phong	169	280,2	Cao Thượng	235	151,7												Thôn Cao Thượng	404	431,9	x			
19	Ngọc Sơn	209	50,2	Thôn 1 Ngọc Khê (1 phần)	110	22	Ngọc Minh (xen cư)	10		Xuân Sơn (1 phần)	80	8,3						Thôn Ngọc Sơn	409	80,5	x			
20	Xuân Sơn	251	10,8	Thôn 1 Ngọc Khê (1 phần)	90	22,1	Ngọc Minh (xen cư)	3					Ngọc Sơn (1 phần)	110	41,4			Thôn Xuân Sơn	454	74,3	x			
21	Cao Nguyên	344	586	Hưng Sơn (hộ xen cư)	7													Thôn Cao Nguyên	351	586	x			
22	Hưng Sơn	400	73,5															Thôn Hưng Sơn	400	73,5	x			
Tổng cộng	4.643	4.618		3.468	3.642		572	719		96	12		118	48		10		8.907	9.039,0					

Phụ lục 4: **Giải trình đối với thôn mới chưa đạt tiêu chuẩn**

TT	Thôn, tổ dân phố	Số hộ	Diện tích (ha)	Nội dung giải trình
1	Thôn Thượng Sơn	288	629,70	Thôn Thượng Sơn được tổ chức, sắp xếp toàn bộ diện tích và dân số của thôn Hoa Cao (gồm 156 hộ gia đình, 748 nhân khẩu, diện tích 377,8ha) với thôn Đông Sơn (gồm 132 hộ gia đình, 609 nhân khẩu, diện tích 251,9ha); Thôn Thượng Sơn có địa hình bị chia cắt với các thôn liền kề (phía Tây giáp xã Linh Sơn bị chia cắt bởi Dốc Nê Cấm khó khăn trong việc đi lại của nhân dân, đường giao thông đi lại khó khăn, trước đây chỉ là lối mòn của nhân dân đi nương rẫy, Phía Nam giáp thôn Mông Mỏ, xã Ngọc Lặc chia cách bởi núi Gò Giang, Phía đông giáp thôn Trung Sơn, xã Ngọc Lặc, cách biệt bởi Khe suối Keo Ranh, dốc đồi Keo Ranh, Phía bắc giáp Đồi Bằng khoảng 150m, không có đường giao thông, cách biệt hoàn toàn với cụm dân cư Tam Đồng của thôn Trung Sơn).
2	Thôn Lương Sơn	315	246,10	Thôn Lương Sơn được tổ chức, sắp xếp toàn bộ diện tích và dân số của thôn Lương Sơn (gồm 141 hộ gia đình, 590 nhân khẩu, diện tích 171,6ha) với thôn Hồng Sơn (gồm 86 hộ gia đình, 378 nhân khẩu, diện tích 72,7ha) và cụm dân cư Làng Bứa thuộc thôn Thanh Bình (gồm 88 hộ, 344 nhân khẩu, diện tích 1,8ha). Thôn Lương Sơn có địa hình chia cắt với các thôn liền kề (phía Bắc và phía Đông là Sông Cầu Chày bao quanh; Phía Tây và Phía Nam là dãy núi Đá Vôi Làng Sắt cao khoảng 120m bao quanh, địa hình bị chia cắt hoàn toàn khi có mưa lũ, đường giao thôn kết nối bên ngoài ở phía bắc là Cầu tràn Làng Bứa, thường xuyên bị chia cắt khi có mưa lớn, hoặc nước từ thượng nguồn sông cầu chày đổ về. Đường giao thông thứ 2 là Cầu Làng Ngủ bắc quan Sông Cầu Chày ở phía Đông, cũng bị ngập lụt khi có mưa lũ).

Phụ lục 5: Giải trình đối với thôn mới có diện tích tự nhiên lớn hơn 1.000 ha

TT	Tên thôn	Diện tích	Nội dung giải trình
1	Thôn Mỹ Tân	1.036,90	<p>Thôn Mỹ Tân được tổ chức, sắp xếp từ 3 thôn (Thôn Beo, thôn Vải, thôn Thi Mốc) với diện tích 1.036,9 ha; trong đó: Diện tích đất thực tế người dân đang sinh sống khoảng 148,9 ha; diện tích đất nông nghiệp khoảng 69,2ha; đất rừng khoảng 615,2ha; đất khác 203,6ha. Các thôn có sự tương đồng về đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống. Vị trí địa lý, đường giao thông chính nội bộ của các thôn kết nối thuận lợi, không bị chia cắt trong mùa mưa lũ (tuy nhiên, hiện nay tại Cầu Bai Bàng thường xuyên bị chia cắt với trung tâm xã khi có mưa, bão lớn xảy ra nhưng vẫn còn đường giao thông khác kết nối với trung tâm xã). Người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở các thôn mới có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao.</p>
2	Thôn Vân Hòa	1.080,70	<p>Thôn Vân Hòa được tổ chức, sắp xếp từ 2 thôn (Thôn Vân Hòa và thôn Cao Xuân) với diện tích 1.080,7ha; trong đó: Diện tích đất thực tế người dân đang sinh sống khoảng 73,42 ha; diện tích đất nông nghiệp khoảng 100ha; đất rừng khoảng 733,0ha; đất khác 174,3ha. Các thôn có sự tương đồng về đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống. Vị trí địa lý, giao thông kết nối thuận lợi, không bị chia cắt trong mùa mưa lũ (2 thôn đều nằm trên quốc lộ 15). Người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở các thôn mới có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao.</p>

Phụ lục 6: Phương án bố trí nhà văn hoá của các thôn sau tổ chức, sắp xếp

TT	Thôn	Nhà văn hoá	Ghi chú
1	Thôn Mỹ Tân	Nhà văn hoá của thôn Vải (hiện nay)	
2	Thôn Bình Minh	Nhà văn hoá của thôn Mới (hiện nay)	
3	Thôn Mống Mỏ	Nhà văn hoá của thôn Mỏ (hiện nay)	
4	Thôn Vân Hòa	Nhà văn hoá của thôn Vân Hoà (hiện nay)	
5	Thôn Thượng Sơn	Nhà văn hoá của thôn Hoa Cao (hiện nay)	
6	Thôn Trung Sơn	Nhà văn hoá của thôn Trung Sơn (hiện nay)	
7	Thôn Giang Sơn	Nhà văn hoá của thôn Giang Sơn (hiện nay)	
8	Thôn Thanh Bình	Nhà văn hoá của thôn Thanh Bình (hiện nay)	
9	Thôn Lương Sơn	Nhà văn hoá của thôn Lương Sơn (hiện nay)	
10	Thôn Hạ Sơn	Nhà văn hoá của thôn Hạ Sơn (hiện nay)	
11	Thôn Nguyễn Trãi	Nhà văn hoá của thôn Nguyễn Du (hiện nay)	
12	Thôn Lê Lợi	Nhà văn hoá của thôn Lê Thánh Tông (hiện nay)	
13	Thôn Lê Lai	Nhà văn hoá của thôn Lê Lai (hiện nay)	
14	Thôn Lê Hoàn	Nhà văn hoá của thôn Lê Duẩn (hiện nay)	
15	Thôn Tân Thành	Nhà văn hoá của thôn Trần (hiện nay)	
16	Thôn Quang Hưng	Nhà văn hoá của thôn 1 Quang Trung (hiện nay)	
17	Thôn Ngọc Minh	Nhà văn hoá của thôn Trần Phú (hiện nay)	
18	Thôn Cao Thượng	Nhà văn hoá của thôn Cao Thượng (hiện nay)	
19	Thôn Ngọc Sơn	Nhà văn hoá của thôn Ngọc Sơn (hiện nay)	
20	Thôn Xuân Sơn	Nhà văn hoá của thôn Xuân Sơn (hiện nay)	
21	Thôn Cao Nguyên	Nhà văn hoá của thôn Cao Nguyên (hiện nay)	
22	Thôn Hưng Sơn	Nhà văn hoá của thôn Hưng Sơn (hiện nay)	